

Số: /PA-HĐBT,HT

Đông Sơn, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 14 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp thu hồi tại các Tổ dân phố: Đà Ninh và Đại Từ 3, phường Đông Sơn để thực hiện dự án: Xây mới tuyến đường giao thông từ đường BT-Đông Thịnh đến đường vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024, về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025, quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: Số 75/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024, ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi; số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025, về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 7564/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND huyện Đông Sơn, phê duyệt dự án: Xây mới tuyến đường giao thông từ đường BT-Đông Thịnh đến đường Vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của Chủ tịch UBND phường Đông Sơn, kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Xây dựng mới tuyến đường giao thông từ đường BT-Đông Thịnh đến đường vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Thông báo số 171/TB-UBND ngày 28/3/2026 của Chủ tịch UBND phường Đông Sơn, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng mới tuyến đường giao thông từ đường BT-Đông Thịnh đến đường vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Thông báo số 310/TB-HĐTĐGD ngày 15/5/2026 của Hội đồng thẩm định giá phường Đông Sơn, kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể (đất nông nghiệp) làm căn cứ để tính tiền bồi thường khi thu hồi thực hiện dự án: Xây dựng mới tuyến đường giao thông từ đường BT –Đông Thịnh đến đường vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Biên bản ngày 20/5/2026 của UBND phường Đông Sơn, về việc xác định diện tích, loại đất thu hồi; xác định nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, xác định đối tượng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án: Xây dựng mới tuyến đường giao thông từ đường BT –Đông Thịnh đến đường vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án lập Phương án bồi thường, hỗ trợ cho 14 hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp thu hồi tại các Tổ Dân phố: Đà Ninh và Đại Từ 3, phường Đông Sơn để thực hiện dự án: Xây dựng mới tuyến đường giao thông từ đường BT –Đông Thịnh đến đường vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa.

1. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, gồm:

a) Tổng diện tích đất thu hồi: **7.285,2 m².**

(Có tổng hợp diện tích, loại đất của người có đất thu hồi tại Phụ lục I ban hành kèm theo Phương án này)

b) Việc hỗ trợ đào tạo chuyển đổi và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo quy định tại Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 13, quy định kèm theo Quyết định số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

c) Việc hỗ trợ ổn định đời sống: Thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 11 quy định kèm theo Quyết định số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

d) Việc bồi thường thiệt hại cây trồng: Thực hiện theo Phụ lục 1, quy định kèm theo Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh.

đ) Phương án bố trí tái định cư: Không.

e) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là: **1.516.634.000 đồng.**

(Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm mười sáu triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Trong đó:

- Bồi thường về đất (đất trồng lúa): 473.538.000 đồng;
- Bồi thường cây cối, hoa màu (đất trồng lúa): 58.282.000 đồng;
- Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 922.714.000 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống: 62.100.000 đồng.

(Có tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho từng hộ gia đình, cá nhân tại Phụ lục II ban hành kèm theo Phương án này)

2. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ: (Chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi tại Phụ lục III ban hành kèm theo Phương án này).

3. Nguồn vốn: Thực hiện theo Quyết định số 7564/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa.

4. Biện pháp tổ chức thực hiện.

Hội đồng hỗ trợ và tái định cư dự án (trực tiếp là phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) có trách nhiệm:

- Phổ biến và niêm yết công khai Phương án này tại Trụ sở UBND phường, tại Nhà Văn hóa các phố: Đà Ninh và Đại Từ 3, phường Đông Sơn, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND phường Đông Sơn là 10 ngày, kể từ ngày niêm yết. Quá trình niêm yết mà không có ý kiến vướng mắc về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thì phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm hoàn chỉnh phương án trình Chủ tịch UBND phường Đông Sơn phê duyệt.

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc phường và các đoàn thể tổ chức tuyên truyền, vận động hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

- Thu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người có đất thu hồi gửi đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đông Sơn để chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: Xây dựng mới tuyến đường giao thông từ đường BT –Đông Thịnh đến đường vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa với những nội dung trên làm cơ sở để thực hiện các bước tiếp theo trong quá trình thực hiện dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT.UBND phường (b/c);
- Các hộ dân có liên quan;
- Lưu VT, KT,HT&ĐT.

**TM HỘI ĐỒNG GPMB
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
Nguyễn Thị Hoài**

Phụ lục I:

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT CỦA NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI

(Ban hành kèm theo Phương án số /PA-HĐBT,HT, ngày tháng năm 2026 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư dự án: Xây mới tuyến đường giao thông từ đường BT-Đông Thịnh đến đường vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hoá.

Số TT	Họ tên người sử dụng đất thu hồi	Địa chỉ	Trích lục bản đồ địa chính số 3350/TLBD ngày 24/12/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đông Sơn.					
			Tờ số	Thửa số	Diện tích đất nguyên thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi trong mốc (m ²)	Diện tích đất ngoài mốc GPMB người sử dụng đất đề nghị thu hồi hết diện tích (m ²)	Loại đất
1	Lê Xuân Hương	TDP Đà Ninh	9	648	239,8	64,8	175,0	Đất trồng lúa
2	Nguyễn Thế Hạnh	TDP Đà Ninh	9	459	1.882,9	27,8		Đất trồng lúa
3	Dương Thị Uyên	TDP Đà Ninh	9	622	1.710,7	641,8		Đất trồng lúa
4	Nguyễn Thế Ánh	TDP Đà Ninh	9	503	2.420,1	910,9		Đất trồng lúa
5	Nguyễn Thế Ứng	TDP Đà Ninh	9	504	1.294,0	705,9		Đất trồng lúa
6	Nguyễn Thị Noi	TDP Đà Ninh	9	597	949,2	187,4		Đất trồng lúa
7	Nguyễn Thị Dung	TDP Đà Ninh	9	611	1.970,4	1.003,3	98,2	Đất trồng lúa

8	Nguyễn Quốc Huy	TDP Đà Ninh	9	612	781,1	453,3	327,8	Đất trồng lúa
9	Nguyễn Văn Môn	TDP Đà Ninh	9	633	3.549,9	60,6		Đất trồng lúa
10	Lê Văn Sáng	TDP Đại Từ 3	9	456	2.696,7	100,1		Đất trồng lúa
11	Lê Thị Tiên	TDP Đại Từ 3	9	482	2.069,4	885,4		Đất trồng lúa
12	Nguyễn Thị Tốt	TDP Đại Từ 3	9	457	3.092,2	91,7		Đất trồng lúa
13	Doãn Trọng Từ	TDP Đại Từ 3	9	501	2.710,7	481,9		Đất trồng lúa
14	Tông Thị Nết	TDP Đại Từ 3	9	502	2.916,4	1.069,3		Đất trồng lúa
	Tổng cộng:				28.283,5	6.684,2	601,0	

Phụ lục II:**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB.**

Ban hành kèm theo Phương án số /PA-HĐBT,HT, ngày tháng năm 2026 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư dự án: Xây mới tuyến đường giao thông từ đường BT-Đông Thịnh đến đường vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hoá.

STT	Tên chủ sử dụng đất	Tỷ lệ thu hồi (%)	Số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp	Bồi thường hỗ trợ về đất (65.000/m ²)	Bồi thường cây cối, hoa màu (8.000/m ²)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (2*65.000đồng/m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Lê Xuân Hương	53,44	2	15.587.000	1.918.400	31.174.000	5.400.000	54.079.000
2	Nguyễn Thế Hạnh	1,12	2	1.807.000	222.400	3.614.000	-	5.643.000
3	Dương Thị Uyên	33,67	3	41.717.000	5.134.400	83.434.000	8.100.000	138.385.000
4	Nguyễn Thế Ánh	21,95	4	59.208.500	7.287.200	118.417.000	5.400.000	190.313.000
5	Nguyễn Thế Ứng	31,96	2	45.883.500	5.647.200	91.767.000	5.400.000	148.698.000
6	Nguyễn Thị Nôi	19,74	0	12.181.000	1.499.200	-	-	13.680.000
7	Nguyễn Thị Dung	51,67	2	71.597.500	8.812.000	143.195.000	5.400.000	229.005.000
8	Nguyễn Quốc Huy	32,8	5	50.771.500	6.248.800	101.543.000	13.500.000	172.063.000

9	Nguyễn Văn Môn	1,59	3	3.939.000	484.800	7.878.000	-	12.302.000
10	Lê Văn Sáng	3,28	2	6.506.500	800.800	13.013.000	-	20.320.000
11	Lê Thị Tiến	50,2	4	57.551.000	7.083.200	115.102.000	10.800.000	190.536.000
12	Nguyễn Thị Tốt	0,29	3	5.960.500	733.600	11.921.000	-	18.615.000
13	Doãn Trọng Từ	16,20	2	31.323.500	3.855.200	62.647.000	-	97.826.000
14	Tổng Thị Nết	34,52	3	69.504.500	8.554.400	139.009.000	8.100.000	225.168.000
	Tổng cộng:		37	473.538.000	58.282.000	922.714.000	62.100.000	1.516.634.000

Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm mười sáu triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn đồng./.

Phụ lục III:
CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB.

Ban hành kèm theo Phương án số /PA-HĐBT,HT, ngày tháng năm 2026 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư dự án: Xây mới tuyến đường giao thông từ đường BT-Đông Thịnh đến đường vành đai phía Tây, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hoá.

1 Hộ ông, bà: Lê Xuân Hương.

Địa chỉ : TDP Đà Ninh, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Đơn vị tính: vnđ)

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		239,8		15.587.000
1	Đất lúa (tại thửa 648)	m ²	239,8	65.000	15.587.000
II	CÂY CỎI HOA MÀU		239,8		1.918.400
1	Lúa	m ²	239,8	8.000	1.918.400
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 53,44 %)				31.174.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	239,8	130.000	31.174.000
	Tổng cộng				54.079.000

2 Hộ ông, bà: Nguyễn Thế Hạnh.

Địa chỉ : TDP Đà Ninh, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Đơn vị tính: vnđ)

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		27,8		1.807.000
1	Đất lúa (tại thửa 459)	m ²	27,8	65.000	1.807.000
II	CÂY CỎI HOA MÀU		27,8		222.400
1	Lúa	m ²	27,8	8.000	222.400
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 1,12%)				3.614.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	27,8	130.000	3.614.000
	Tổng cộng				5.643.000

3. Hộ ông, bà: Dương Thị Uyên.**Địa chỉ : TDP Đà Ninh, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.***(Đơn vị tính:
vnd)*

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		641,8		41.717.000
1	Đất lúa (tại thửa 648)	m ²	641,8	65.000	41.717.000
II	CÂY CỎI HOA MÀU		641,8		5.134.400
1	Lúa	m ²	641,8	8.000	5.134.400
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 33,67%)				91.534.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	641,8	130.000	83.434.000
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (mức hỗ trợ 30 kg gạo tẻ/khâu/tháng, trong thời gian 06 tháng).	Khâu	3	2.700.000	8.100.000
	Tổng cộng				138.385.000

4. Hộ ông, bà: Nguyễn Thế Ánh.**Địa chỉ : TDP Đà Ninh, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.***(Đơn vị tính:
vnd)*

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		910,9		59.208.500
1	Đất lúa (tại thửa 648)	m ²	910,9	65.000	59.208.500
II	CÂY CỎI HOA MÀU		910,9		7.287.200
1	Lúa	m ²	910,9	8.000	7.287.200
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 21,95%)				123.817.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	910,9	130.000	118.417.000
	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (mức hỗ trợ 30 kg gạo tẻ/khâu/tháng, trong thời gian 03 tháng).	Khâu	4	1.350.000	5.400.000
	Tổng cộng				190.313.000

5. Hộ ông, bà: Nguyễn Thế Ứng.

Địa chỉ : TDP Đà Ninh, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Đơn vị tính:
vnd)

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		705,9		49.628.400
1	Đất lúa (tại thửa 504)	m ²	705,9	65.000	45.883.500
II	CÂY CỎI HOA MÀU		705,9		5.647.200
1	Lúa	m ²	705,9	8.000	5.647.200
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 54,55%)				104.656.800
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	705,9	130.000	91.767.000
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (mức hỗ trợ 30 kg gạo tẻ/khâu/tháng, trong thời gian 06 tháng).	Khâu	2	2.700.000	5.400.000
	Tổng cộng				148.698.000

6. Hộ ông, bà: Nguyễn Thị Noi.

Địa chỉ : TDP Đà Ninh, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Đơn vị tính:
vnd)

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		187,4		12.181.000
1	Đất lúa (tại thửa 597)	m ²	187,4	65.000	12.181.000
II	CÂY CỎI HOA MÀU		187,4		1.499.200
1	Lúa	m ²	187,4	8.000	1.499.200
	Tổng cộng				13.680.000

7. Hộ ông, bà: Nguyễn Thị Dung.

Địa chỉ : TDP Đà Ninh, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Đơn vị tính:
vnd)

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		1101,5		71.597.500
1	Đất lúa (tại thửa 611)	m ²	1003,3	65.000	65.214.500
2	Đất lúa ngoài mốc (tại thửa 611)	m ²	98,2	65.000	6.383.000
II	CÂY CỎI HOA MÀU		1101,5		8.812.000

1	Lúa	m ²	1003,3	8.000	8.026.400
2	Lúa ngoài mốc	m ²	98,2	8.000	785.000
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 51,67%)				148.595.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	1003,3	130.000	130.429.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	98,2	130.000	12.766.000
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (mức hỗ trợ 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng, trong thời gian 06 tháng)	Khẩu	2	2.700.000	5.400.000
	Tổng cộng				229.005.000

8. Hộ ông, bà: Nguyễn Quốc Huy.

Địa chỉ : TDP Đà Ninh, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Đơn vị tính:
vnd)

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		781,1		50.771.500
1	Đất lúa (tại thửa 612)	m ²	453,3	65.000	29.464.500
2	Đất lúa ngoài mốc (tại thửa 612)	m ²	327,8	65.000	21.307.000
II	CÂY CỐI HOA MÀU		781,1		6.248.800
1	Lúa	m ²	453,3	8.000	3.626.400
2	Lúa ngoài mốc	m ²	327,8	8.000	2.622.400
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 32,8%)				115.043.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	781,1	130.000	101.543.000
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (mức hỗ trợ 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng, trong thời gian 06 tháng)	Khẩu	5	2.700.000	13.500.000
	Tổng cộng				172.063.000

9. Hộ ông, bà: Nguyễn Văn Môn.**Địa chỉ : TDP Đà Ninh, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.***(Đơn vị tính:
vnd)*

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		60,6		3.939.000
1	Đất lúa (tại thửa 633)	m ²	60,6	65.000	3.939.000
II	CÂY CỎI HOA MÀU		60,6		484.800
1	Lúa	m ²	60,6	8.000	484.800
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 1,59%)				7.878.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	60,6	130.000	7.878.000
	Tổng cộng				12.302.000

10. Hộ ông, bà: Lê Văn Sáng.**Địa chỉ : TDP Đà Ninh, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.***(Đơn vị tính:
vnd)*

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		100,1		6.506.500
1	Đất lúa (tại thửa 456)	m ²	100,1	65.000	6.506.500
II	CÂY CỎI HOA MÀU		100.1		800,800
1	Lúa	m ²	100.1	8.000	800.800
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 3,28%)				13.013.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	100.1	130.000	13.013.000
	Tổng cộng				20.320.000

11. Hộ ông, bà: Lê Thị Tiến.**Địa chỉ : TDP Đại Từ 3, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.***(Đơn vị tính:
vnd)*

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		885,4		57.551.000
1	Đất lúa (tại thửa 482)	m ²	885,4	65.000	57.551.000
II	CÂY CỎI HOA MÀU		885,4		7.083.200
1	Lúa	m ²	885,4	8.000	7.083.200

III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 50,2%)				125.902.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	885,4	130.000	115.102.000
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (mức hỗ trợ 30 kg gạo tẻ/khâu/tháng, trong thời gian 06 tháng).	Khâu	4	2.700.000	10.800.000
	Tổng cộng				190.536.000

12. Hộ ông, bà: Nguyễn Thị Tốt

Địa chỉ : TDP Đại Từ 3, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Đơn vị tính: vnđ)

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		91,7		5.960.500
1	Đất lúa (tại thửa 457)	m ²	91,7	65.000	5.960.500
II	CÂY CỎI HOA MÀU		91,7		733.600
1	Lúa	m ²	91,7	8.000	733.600
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 3,28%)				11.921.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	91,7	130.000	11.921.000
	Tổng cộng				18.615.000

13. Hộ ông, bà: Doãn Trọng Từ.

Địa chỉ : TDP Đại Từ 3, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Đơn vị tính: vnđ)

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		481,9		31.323.500
1	Đất lúa (tại thửa 501)	m ²	481,9	65.000	31.323.500
II	CÂY CỎI HOA MÀU		481,9		3.855.200
1	Lúa	m ²	481,9	8.000	3.855.200
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 16,2%)				62.647.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	481,9	130.000	62.647.000
	Tổng cộng				97.826.000

14. Hộ ông, bà: Tổng Thị Nết.**Địa chỉ : TDP Đại Từ 3, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.***(Đơn vị tính:
vnd)*

STT	Hạng mục:	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Đất đai		1069,3		69.504.500
1	Đất lúa (tại thửa 502)	m ²	1069,3	65.000	69.504.500
II	CÂY CỐI HOA MÀU		1069,3		8.554.400
1	Lúa	m ²	1069,3	8.000	8.554.400
III	Hỗ trợ (diện tích thu hồi 34,52%)				147.109.000
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp)	m ²	1069,3	130.000	139.009.000
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (mức hỗ trợ 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng, trong thời gian 06 tháng).	Khẩu	3	2.700.000	8.100.000
	Tổng cộng				225.168.000